Mẫu số 01. **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 581 ngày 12/10/2020
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng
Sao

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 28/STF/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty CP Thực phẩm SANTA

Địa chỉ: Thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 84 221 3 94 88 18.

E-mail: customercare@santa.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0107467527

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Sôcôla Ý- Witor's Selection Creamy**

2. Thành phần: Đường, dầu thực vật (dừa, hạt cọ, cọ - theo tỷ lệ khác nhau), cacao khối (tối thiểu 30% cho sôcôla sữa tổng hợp praline và tối thiểu 50% cho sôcôla đen tổng hợp praline), bột whey, bơ cacao, bột sữa toàn phần, bột ca cao ít béo(3.2%), bột sữa gầy(3.1%), hạt phỉ(1%), bơ dầu, chất nhũ hóa:soya lecithin:E322, hương vani tự nhiên. Có thể có lẫn ít hạt và trứng và gluten.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

15 tháng kể từ ngày sản xuất (Ngày sản xuất và ngày hết hạn xem trên mặt sau túi(ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 250g/350g

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được bao gói trực tiếp bằng bao PE có tráng nhôm, có vỏ ngoài bằng bao PE, hộp nhựa, hộp giấy hoặc hộp thiếc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Witor's S.p.A

Địa chỉ: Via Levata, 2.26010 Corte de' Frati (CR).Italy.

Xuất xứ: Italy

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/ quy định ATTP:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19/12/2007: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2020.

CÔNG TY CP THỰC PHẨM SANTA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Văn Minh

DỰ THẢO NỘI DUNG GHI NHÃN TIẾNG VIỆT

Sôcôla Ý-Witor's Selection Creamy

Thành phần: Đường, dầu thực vật (dừa, hạt cọ, cọ - theo tỷ lệ khác nhau), cacao khối (tối thiểu 30% cho sôcôla sữa tổng hợp praline và tối thiểu 50% cho sôcôla đen tổng hợp praline), bột whey, bơ cacao, bột sữa toàn phần, bột ca cao ít béo(3.2%), bột sữa gầy(3.1%), hạt phỉ(1%), bơ dầu, chất nhũ hóa:soya lecithin:E322, hương vani tự nhiên. Có thể có lẫn ít hạt và trứng và gluten.

NSX/HSD: Xem thông tin mặt sau bao bì(ngày/tháng/năm)

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Khối lượng tịnh: 250 g/350 g

HSTCB số: 28/ STF/ 2020

Nhà sản xuất: Witor's S.p.A

Địa chỉ: Via Levata, 2-26010 Corte de' Frati (CR)-Italy

Xuất xứ: Ý

Thương nhân chịu trách nhiệm: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

Địa chỉ: Thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tel/Fax: + 84 221 3 94 88 18.

M.S.D.N: 0107467527 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
X. XUÂN ĐÀO - T. HƯNG YÊN

Printed: IT - GB - DE - PT - FR
Thermal Ink: ES - HR- GR

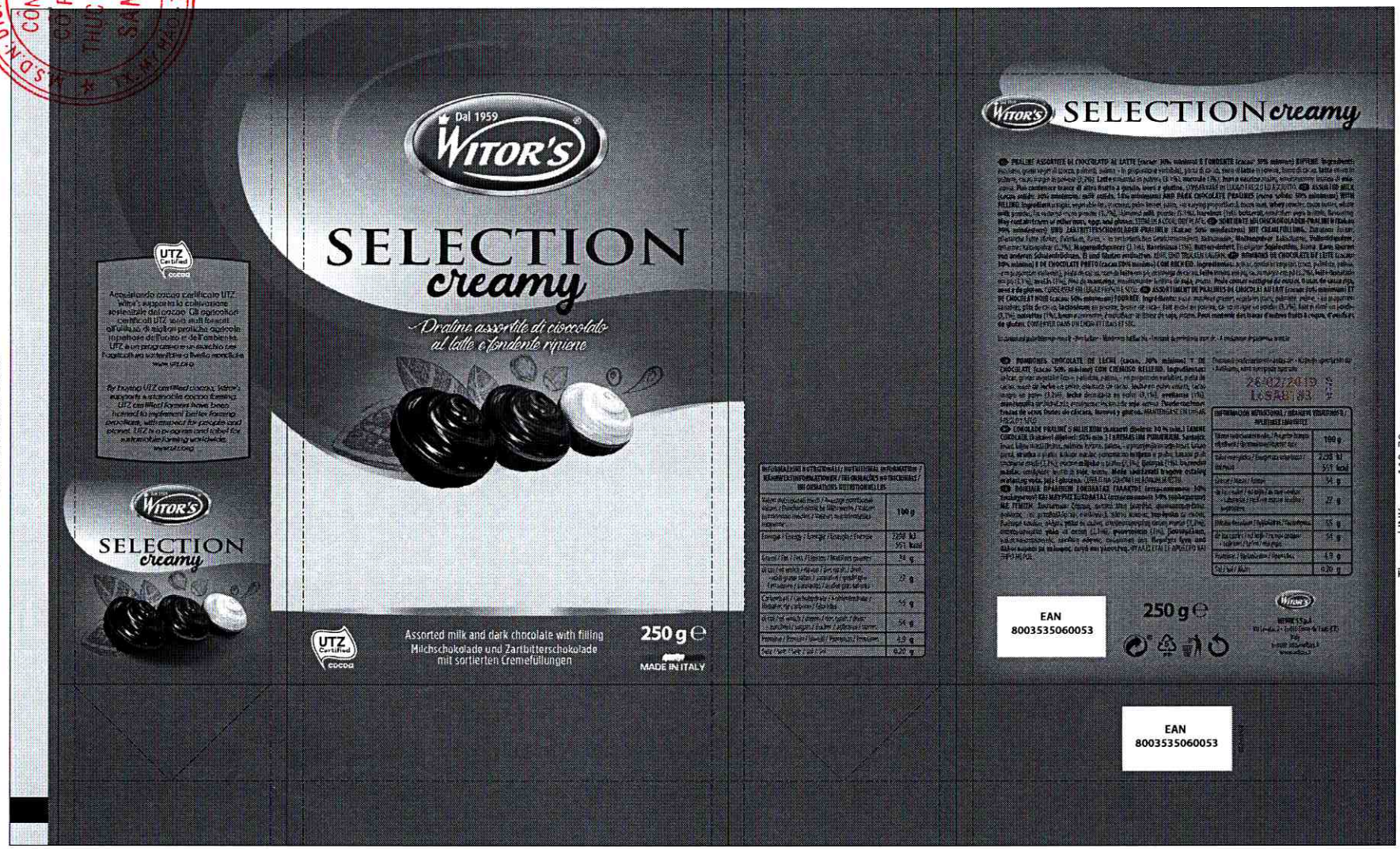

M.S.D.N: 0107467527
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
SANTA
TX. MỸ HÀO - T. HƯNG Y

WITOR'S SELECTION creamy

Expo Gift

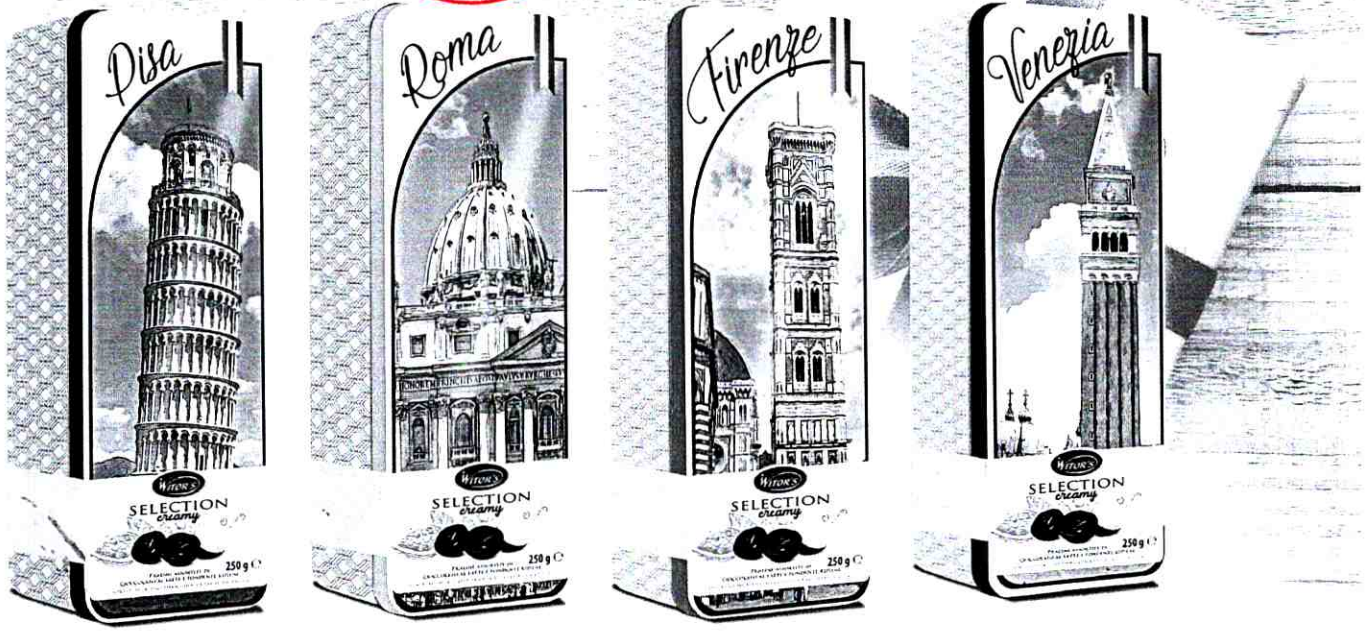

Torri d'Italia
250g

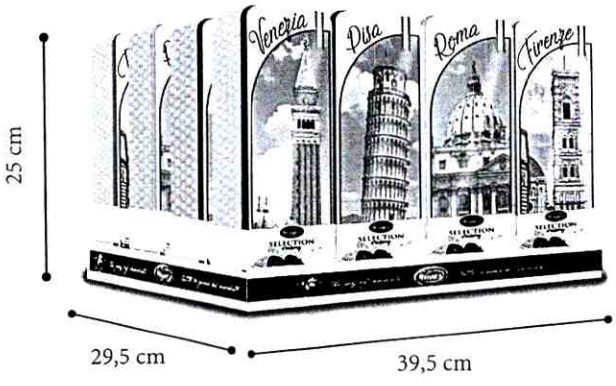

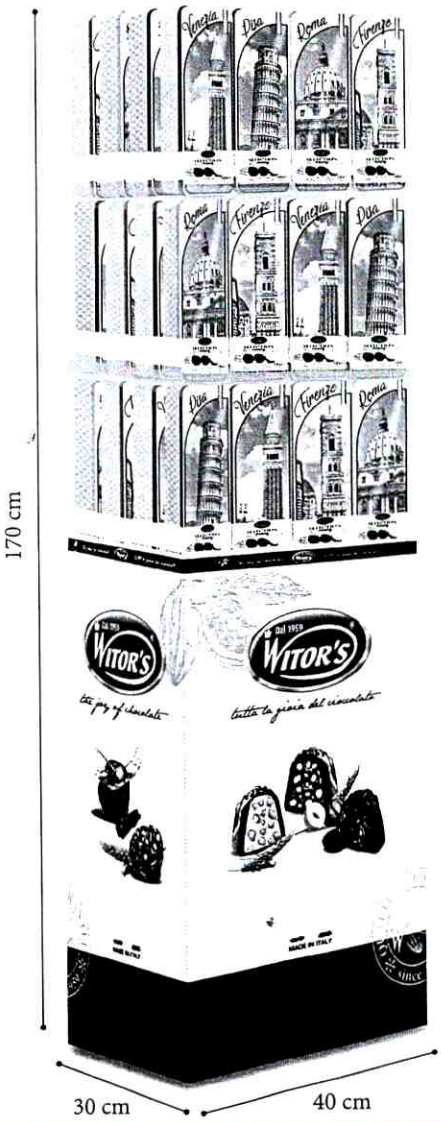

Expo Torri d'Italia
250g

Prodotto Product	Peso Wt	Codice Code	EAN	PZ · CT Pcs · Ct	Ct Pallet
Torri d'Italia Selection Creamy	250g	C00195008	8003535062293	16	64

WITOR'S

SELECTION creamy

FINESTRA

350 g e

Praline assortite di cioccolato al latte e fondente ripiene

PRALINE ASSORTITE DI CIOCCOLATO AL LATTE (cacao: 30% minimo) **E FONDENTE** (cacao: 34% minimo) **RIPIENE.** Ingredienti: zucchero, olio di palma, burro di cacao, latte scremato in polvere, cacao magro in polvere 2,5%, latte, siero di latte in polvere 1,5%, burro, nocciole 1,5%, emulsionanti: lecitina di soia, aroma. Può contenere tracce di altra frutta a guscio, uova e glutine. CIOCCOLATO AL LATTE (cacao solidi: 30% minimo) **RIPIENO:** Ingredienti: zucchero, olio di palma, burro di cacao, latte scremato in polvere, cacao magro in polvere 2,5%, latte, siero di latte in polvere 1,5%, burro, nocciole 1,5%, emulsionanti: lecitina di soia, aroma. Può contenere tracce di altra frutta a guscio, uova e glutine. **ASSORTED PRALINES** (cocoa solids: 30% minimum) **MILK CHOCOLATE AND DARK CHOCOLATE PRALINES** (cocoa solids: 34% minimum) **WITH FILLING:** Ingredients: sugar, palm oil, cocoa butter, skimmed milk powder, low cocoa fat powder 2.5%, milk, whey powder 1.5%, butter, hazelnuts 1.5%, emulsifiers: soya lecithin, aroma. May contain traces of other nuts, eggs and gluten. CONTIENE: LATTE E DERIVATI (INCLUSO LATTOSIO), FRUTTA A GUSCIO. **ZARTBITTERSCHOKOLADEN PRALINEN** (Kakao 30% mindestens) **UND ZARTBITTERSCHOKOLADEN PRALINEN SKANDAL** (Kakao 30% mindestens) **MIT CREMIGER FÜLLUNG.** Zutaten: Zucker, pflanzliche Fette (Palmöl, Sheabutter), Magermilchpulver, Kakaopulver mager, Kakaobutter, Vollmilchpulver, Süßmolkenpulver, Haselnüsse 1,5%, Emulgatoren: Sojalecithine; Kann Spuren von anderen Schalenfrüchten, Eier und Gluten enthalten. ENTHÄLT MILCH UND MILCHERZEUGNISSE (EINSCHLIESSLICH LAKTOSE), SCHALENFRÜCHTE. **ASSORTIMENT DE PRALINES DE CHOCOLAT AU LAIT** (cacao: 30% minimum) **ET DE CHOCOLAT NOIR** (cacao: 34% minimum) **FOURRÉES.** Ingrédients: sucre, huile de palme, beurre de cacao, poudre de lait écrémé, poudre de cacao maigre 2,5%, lait, poudre de lactosactif 1,5%, beurre, noisettes 1,5%, émulsifiants: lécithine de soja, arôme. Peut contenir des traces d'autres fruits à coque, œufs et de gluten. CONTIENT DU LAIT ET DES PRODUITS À BASE DE LAIT (Y COMPRIS LE LACTOSE), FRUITS À COQUE. **BOMBONES DE CHOCOLATE DE LECHE RECORTADA,** ingredientes: azúcar, grasas vegetales (palma, palmiste), pasta de cacao magra en polvo 2,5%, leche entera en polvo, suero de leche en polvo 1,5%, mantequilla, avellanas 1,5%, emulsionantes: lecitina de soja, aroma. Puede contener trazas de otros frutos de cáscara, huevos y gluten. CONTIENE LECHE Y DERIVADOS (INCLUIDA LACTOSA), FRUTOS DE CÁSCARA. **ASSORTIMENT DE PRALINES DE CHOCOLAT BRUN** (cacao: 30% minimum) **ET DE CHOCOLAT BRUN FOURRÉES.** Ingrédients: sucre, huile de palme, beurre de cacao, poudre de lait écrémé, poudre de cacao maigre 2,5%, lait, poudre de lactosactif 1,5%, beurre, noisettes 1,5%, émulsifiants: lécithine de soja, arôme. Peut contenir des traces d'autres fruits à coque, œufs et de gluten. CONTIENT DU LAIT ET DES PRODUITS À BASE DE LAIT (Y COMPRIS LE LACTOSE), FRUITS À COQUE. **BOMBONES DE CHOCOLATE DE LECHE** (cacao: 30% mínimo) **CON CREMOSO RELLENO.** Ingredientes: azúcar, grasas vegetales (palma, palmiste), pasta de cacao magra en polvo 2,5%, leche entera en polvo, suero de leche en polvo 1,5%, mantequilla, avellanas 1,5%, emulsionantes: lecitina de soja, aroma. Puede contener trazas de otros frutos de cáscara, huevos y gluten. CONTIENE LECHE Y DERIVADOS (INCLUIDA LACTOSA), FRUTOS DE CÁSCARA. **BOMBONS DE CHOCOLATE DE LEITE** (cacau: 30% mínimo) **E DE CHOCOLATE PRETO** (cacau: 34% mínimo) **COM RECHEIO.** Ingredientes: açúcar, gorduras vegetais (palma, palmiste), pasta de cacau magra em pó 2,5%, leite em pó, soro de leite em pó 1,5%, manteiga, avelãs 1,5%, emulsionantes: lecitina de soja, aroma. Pode conter vestígios de outros frutos de casca rija, ovos e de glúten. CONTÉM LEITE E DERIVADOS (INCLUINDO LACTOSE), FRUTOS DE CASCA RIJA. **PRALINE DIN CIOCOLATĂ NEAGRĂ** (substanță de cacao 34% minimum) **ȘI CU CIOCOLATĂ CREMOASĂ** (substanță de cacao 30% minimum) **CU UMPLUTURĂ.** Ingrediente: zahăr, grăsimi vegetale (palmier, nucă de cocos), pudră de cacao slab grasă 2,5%, lapte praf, zer praf 1,5%, unt, alune de pădure 1,5%, emulsifianți: lecitină de soia, aromă. Poate conține urme de fructe cu coajă lemnoasă, ouă și gluten. CONȚINE LAPTE ȘI DERIVATE DIN LAPTE (INCLUSIV LACTOZĂ), FRUCTE CU COAJĂ LEMNOASĂ.

350 g e

EAN
8003535062453

PET 01 PLASTICA PLASTICS
PS 06 PLASTICA PLASTICS
PET 01 PLASTICA PLASTICS
PP 05 PLASTICA PLASTICS
C/PAP 81 CARTA PAPIER

Verifica le disposizioni del tuo comune per la gestione di rifiuti
Please dispose of packaging in accordance with your local recycling regulations

WITOR'S S.p.A.

Cioccolato fondente con cremoso ripieno al cacao
Dark chocolate with creamy cocoa filling

Cioccolato al latte con cremoso ripieno alle nocciole
Milk chocolate with creamy hazelnut filling

Cioccolato al latte con cremoso ripieno al latte
Milk chocolate with creamy milk filling

INFORMAZIONI NUTRIZIONALI / NUTRITIONAL INFORMATION / NÄHRWERTINFORMATIONEN / INFORMATIONS NUTRITIONNELLES / INFORMACIÓN NUTRICIONAL / VALOAREA NUTRITIVĂ / INFORMAÇÕES NUTRICIONAIS /	
Valori nutrizionali medi / Average nutritional values / Durchschnittliche Nährwerte / Valeurs nutritionnelles moyennes / Valores nutricionales medios / Valorile nutriționale medii / Valores nutricionais médios	100 g
Energia / Energy / Energie / Valor energetico / Énergie / Energie / Valoare energetică	2298 kJ 551 kcal
Grassi / Fat / Fett / Graisses / Matières grasses / Lípidos / Gorduras	34 g
di cui / of which / davon / de les quelles / dont / dos quais / dos cuis / acidi grassi saturi / saturates / gesättigte Fettsäuren / acizi grași saturați / ácidos graxos saturados	27 g
Carboidrati / Carbohydrate / Kohlenhydrate / Hidratos de carbono / Glucide carbone / Glucides / Hidratos de carbono / Glucide	55 g
di cui / of which / davon / de les quelles / dont / dos quais / dos cuis / - zuccheri / sugars / Zucker / sucres / açúcares / zaharuri	54 g
Proteine / Protein / Eiweiß / Protéines / Proteínas / Proteine	4,9 g
Sale / Salt / Salz / Sal / Sel / Sal / Sare	0,20 g

M.S.D.N: 0107467627 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
T.X. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

Tutto Lucido

BẢN SAO

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica amianto Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011
DAL 1949
ACCREDIA L'ENTE ITALIANO DI ACCREDITAMENTO
LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09353 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020** Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	**M.U.**	**Result**
moisture *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 7 Met B*	g/100g	**1,2**
ashes *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 77*	g/100g	**1,44**
fats *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 41 Met B*	g/100g	**33,4**
nitrogen, proteins (by calculation) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 13*	g/100g	**4,8**
carbohidrates (by calculation) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 77+pag 7 Met B+pag 41 Met B+pag 13+AOAC 985.29 1986*	g/100g	**55,2**
total dietary fiber *AOAC 985.29 1986*	g/100g	**4,0**
energy value (by calculation) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kcal/100g	**549**
energy value (by calculation) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kj/100g	**2288**

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = microorganisms present but <3 cfu/100 ml; cfu/1ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 03-10-2020
Số chứng thực: 84593 Quyển số 01 SCT/BS

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Chemist
dr. Ilaria Vecchiattini
order of chemists of Emilia Romagna N. 1810

S.Đ.K.H.D.N.C.T.H.D VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THỊ NGA Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

BẢN SAO

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica amianto Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011
DAL 1949

ACCREDIA L'ENTE ITALIANO DI ACCREDITAMENTO
LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09354 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020** Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	M.U.	Result
*arsenic *UNI EN 14082:2003 + APAT CNR IRSA 3020 Man 29 2003 + Idruri*	mg As/kg	< 0,02
cadmium *MIC016 2016 Rev 6*	mg Cd/Kg	< 0,01
*lead *UNI EN 14082:2003 + APAT CNR IRSA 3020 Man 29 2003*	mg Pb/Kg	< 0,05
*melamine (1,3,5-triazine 2,4,6-triamine) *CVUA EURL SRM QuPPe Vers 9.2 2016*	mg/kg	< 0,01

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = Microorganisms present but <3 cfu/100ml; cfu/1ml = 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 03-10-2020
Số chứng thực: 84594 Quyển số: 01/BS

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Chemist
dr. Ilaria Vecchiattini
order of chemists of Emilia Romagna N. 1810

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THỊ NGA
S.Đ.K.H.Đ:113-C.T.H.D
Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

CONG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

BẢN SAO

DAL 1949

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica annuale Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011

LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09355 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020** Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	M.U.	Result
salmonella spp.- search *AFNOR BKR 23/07-10/11*	in 25 g	**absent**
total coliforms at 37°C – enumeration *ISO 4832:2006*	cfu/g	**< 10**
positive coagulase staphilococci (S. aureus and outher species) – enumeration *UNI EN ISO 688-2:2004*	cfu/g	**< 10**
Bacillus cereus presumed at 30°C – enumeration *UNI EN ISO 7932:2005*	cfu/g	**< 100**
total viable count at 30°C (insemination in depth) – enumeration *UNI EN ISO 4833-1:2013*	cfu/g	**30**
***aflatoxin B1** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	**< 0,5**
***aflatoxin B2** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	**< 0,5**
***aflatoxin G1** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	**< 0,5**
***aflatoxin G2** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	**< 0,5**
aflatoxin total (by calculation) *calculation*	µg/Kg	**< 0,5**
***ochratoxin A** *AOAC 2000.03*	µg/Kg	**< 1,0**
positive Escherichia coli beta-gluconidase – enumeration *ISO 16649-2:2001*	cfu/g	**< 10**
molds-enumeration *ISO 21527-2:2008*	cfu/g	**< 10**
yeast-enumeration *ISO 21527-2:2008*	cfu/g	**< 10**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 03-10-2020
Số chứng thực 84608 Quyển số 01 SCT/BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THỊ NGA
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = microorganisms present but <3 cfu/100 ml; cfu/1ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

follows Assay report n° **20LA09355 of 08/17/2020**

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Microbyologist
dr. Giordano Guglielmi

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

LABORATORIO ROCCHI DR.EUGENIO S.R.L
Via Kenedy, 3-Loc.Bazzano-40053 Valsamoggia(BO)
ĐT: 051 832012- Fax: 051 830436 -www.rochi 1949.it

Số báo cáo: **20LA09353 ngày 17/08/2020**

Gửi công ty: **WITOR'S SPA**
Via Levata, 2 26010 Corte dei Frati(CR))

Mã mẫu: **SL00750012 CREAMY DARK 26**

Lô: **L07A9297**
Ngày nhận mẫu: 20/07/2020
Ngày bắt đầu phân tích: 20/07/2020
Ngày kết thúc phân tích : **14/08/2020**
Vận chuyển: chuyển phát nhanh

Sự xác định **Phương pháp**	**Đơn vị**	**Kết quả**
Độ ẩm *Rapporti ISTISAN 1996/34 Trang 7 Met B*	g/100g	1,2
Tro *Rapporti ISTISAN 1996/34 Trang 77*	g/100g	1,44
Chất béo *Rapporti ISTISAN 1996/34 Trang 41 Met B*	g/100g	33,4
Nitơ, Protein (theo tính toán) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Trang 13*	g/100g	4,8
Carbonhydrates bao gồm chất xơ(theo tính toán) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Trang 77+trang7 MetB+trang 41 MetB+trang 13*	g/100g	55,2
Chất xơ AOAC 985.29 1986	g/100g	4,0
Giá trị năng lượng(theo tính toán) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011 GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kcal/100g	549
Giá trị năng lượng(theo tính toán) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011 GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kj/100g	2288
Arsen *UNI EN 14082:2003*	Mg As/kg	<0,02
Cadmium *MIC016 2016 Rev5*	mg Cd/Kg	<0,01
Chì *UNI EN 14082:2003*	mg Pb/Kg	<0,05
Melamine CVUA EURL SRM QuPPe Vers 9.2 2016	Mg/kg	<0,01
Salmonella spp-tìm ra *AFNOR BKR 23/07-10/11*	trong 25g	Không có
Tổng Coliforms ở 37^0C -liệt kê *ISO 4832:2006*	cfu/g	<10
S.aureus và loài khác- liệt kê *UNI EN ISO 6888-2:2004*	cfu/g	<10
B cereus ở 30^0C -liệt kê *UNI EN ISO 4833:2013*	cfu/g	<100
Tổng vi sinh vật sống ở 30^0C (sinh sản ở độ sâu)- liệt kê *UNI EN ISO 4833-1:2013*	cfu/g	< 30
Aflatoxin B1 *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/kg	<0,5
Aflatoxin B2 *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/kg	<0,5
Aflatoxin G1 *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/kg	<0,5
Aflatoxin G2 *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/kg	<0,5

Ochratoxin A AOAC 2000.03	µg/kg	<1,0
Escherichia coli beta- liệt kê *ISO 16649-2:2001*	cfu/g	<10
Nấm mốc- liệt kê *ISO 21527-2:2008*	cfu/g	<10
Nấm men- liệt kê *ISO 21527-2:2004*	cfu/g	<10

*Thí nghiệm không được chứng nhận bởi Accredia

Cảnh báo với số lượng đếm thấp trong thí nghiệm vi sinh

Mẫu nước: 1÷2 cfu/g/100ml = vi sinh vật hiện hữu nhưng< 3 cfu/100 ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = số lượng ước tính. Mẫu nước/chất lỏng: 1÷3 cfu/g/ml= vi sinh vật hiện hữu nhưng< 4 cfu/ ml; 4÷9 cfu/ml = số lượng ước tính. Mẫu rắn: 10÷30 fcu/g vi sinh vật hiện hữu nhưng<40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = số lượng ước tính

Trưởng phòng thí nghiệm kí

Eng.Tonino Maroni

Nhà hóa học

Dr.LLaria Vecchiattini

CÔNG TY TNHH ANB VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 101/479, đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Email: quanlyduandichthuat@gmail.com

CÔNG CHỨNG BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2020
Tại: Văn phòng **CÔNG TY TNHH ANB VIỆT NAM**

CHỨNG NHẬN

*Bản dịch này là cộng tác viên biên dịch tiếng Anh đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt
* Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
* Bản dịch có: trang,

Số công chứng: 733 **; Quyển số:** **TP/CC-SCC/BD**

CÔNG TY TNHH ANB VIỆT NAM

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANB VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tiềm

DAL 1949

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica amianto Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011

ACCREDIA
L'ENTE ITALIANO DI ACCREDITAMENTO
LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09353 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020** Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	M.U.	Result
moisture *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 7 Met B*	g/100g	**1,2**
ashes *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 77*	g/100g	**1,44**
fats *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 41 Met B*	g/100g	**33,4**
nitrogen, proteins (by calculation) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 13*	g/100g	**4,8**
carbohidrates (by calculation) *Rapporti ISTISAN 1996/34 Pag 77+pag 7 Met B+pag 41 Met B+pag 13+AOAC 985.29 1986*	g/100g	**55,2**
total dietary fiber *AOAC 985.29 1986*	g/100g	**4,0**
energy value (by calculation) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kcal/100g	**549**
energy value (by calculation) *Reg UE 1169/2011 25/10/2011GU UE L 304/18 22/11/2011 all. I e XIV*	Kj/100g	**2288**

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = microorganisms present but <3 cfu/100 ml; cfu/1ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Chemist
dr. Ilaria Vecchiattini
order of chemists of Emilia Romagna N. 1810

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

DAL 1949

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica amianto Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011

ACCREDIA L'ENTE ITALIANO DI ACCREDITAMENTO
LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09354 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020**
Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	M.U.	Result
*arsenic *UNI EN 14082:2003 + APAT CNR IRSA 3020 Man 29 2003 + Idruri*	mg As/kg	< 0,02
cadmium *MIC016 2016 Rev 6*	mg Cd/Kg	< 0,01
*lead *UNI EN 14082:2003 + APAT CNR IRSA 3020 Man 29 2003*	mg Pb/Kg	< 0,05
*melamine (1,3,5-triazine 2,4,6-triamine) *CVUA EURL SRM QuPPe Vers 9.2 2016*	mg/kg	< 0,01

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = microorganisms present but <3 cfu/100 ml; cfu/1ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Chemist
dr. Ilaria Vecchiattini
order of chemists of Emilia Romagna N. 1810

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

DAL 1949

Laboratorio Rocchi dr. Eugenio s.r.l.
Via Kennedy, 3 - Loc. Bazzano - 40053 Valsamoggia (BO)
Tel. 051 832012 - Fax 051 830436 - www.rocchi1949.it
Registro Laboratori autocontrollo Emilia Romagna N°008/BO/006
Qualifica amianto Ministero Salute DGPREV001 5026-P-22/06/2011

ACCREDIA L'ENTE ITALIANO DI ACCREDITAMENTO
LAB N°0344 L

Assay report n° **20LA09355 of 08/17/2020**

Messrs.
WITOR'S SPA
Via Levata, 2
26010 Corte dei Frati (CR)

Sample: **SL00750012 CREAMY DARK 26**
Batch: **L07A9297**
Sample received date: **07/20/2020**
Analysis beginning date: **07/20/2020**
Analysis end date: **08/14/2020**
Withdrawal reference: **by client**
Delivery: **courier service**
Note: **Referring: 0017658, C00009003, C00195011, C00199011**

Determination *Method*	M.U.	Result
salmonella spp.- search *AFNOR BKR 23/07-10/11*	in 25 g	absent
total coliforms at 37°C – enumeration *ISO 4832:2006*	cfu/g	< 10
positive coagulase staphilococci (S. aureus and outher species) – enumeration *UNI EN ISO 688-2:2004*	cfu/g	< 10
Bacillus cereus presumed at 30°C – enumeration *UNI EN ISO 7932:2005*	cfu/g	< 100
total viable count at 30°C (insemination in depth) – enumeration *UNI EN ISO 4833-1:2013*	cfu/g	30
***aflatoxin B1** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	< 0,5
***aflatoxin B2** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	< 0,5
***aflatoxin G1** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	< 0,5
***aflatoxin G2** *UNI EN ISO 16050:2011*	µg/Kg	< 0,5
**aflatoxin total (by calculation)* *calculation*	µg/Kg	< 0,5
***ochratoxin A** *AOAC 2000.03*	µg/Kg	< 1,0
positive Escherichia coli beta-gluconidase – enumeration *ISO 16649-2:2001*	cfu/g	< 10
molds-enumeration *ISO 21527-2:2008*	cfu/g	< 10
yeast-enumeration *ISO 21527-2:2008*	cfu/g	< 10

*** Assay not accreditated by Accredia**

Warnings for low counts in the microbiological tests

Water samples: 1÷2 cfu/g/100ml; cfu/1ml = microorganisms present but <3 cfu/100 ml; cfu/1ml; 3÷9 cfu/100ml; cfu/1ml = estimated number. Liquid samples: 1÷3 cfu/g/ml = microorganisms present but <4 cfu/ml; 4÷9 cfu/ml = estimated number. Solid samples: 10÷30 cfu/g microorganisms present but <40 cfu/g; 40÷90 cfu/g = estimated number. Cosmetics: if detection limit 100cfu/g, less than 300 cfu/g = estimated number; if detection limit 1cfu/g, less than 30 cfu/g = estimated number.

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY

follows Assay report n° **20LA09355 of 08/17/2020**

Laboratory Manager
eng. Tonino Maroni

Microbyologist
dr. Giordano Guglielmi

THIS REPORT CONCERNS ONLY SAMPLES SUBJECT TO TEST AND IT CANNOT BE REPRODUCED IN PART UNLESS FORMAL APPROVAL OF THE LABORATORY